



Left Column:

- Alt. weather, loose or light surface, one lane wide
- Đường chỉ đất hẹp nhiều mặt, chỉ một lối đi ở đ.
- Fair or dry weather, loose surface = Đường đ.
- Cải tạo sân = Đường sân bãi
- Football track = Đường môn, đường bóng đá
- ROUTE MARKERS** ĐƯỜNG HIỆU DẪN
- National, International
- Quốc-lộ, Liên tỉnh
- Provincial, Commercial or other
- Thị lộ, Hàng hóa
- RAILROADS - ĐƯỜNG XE LỬA**
- Normal gauge, single track
- Đường xe lửa đơn, một đường
- Normal gauge, double track
- Đường xe lửa đôi, hai đường
- Narrow gauge, single track
- Đường hẹp, một đường
- Arifield, Alt. weather, Seasonal
- Sân học, thời tiết, mùa
- Brick
- Wood = Cầu gỗ
- Đầu = Cầu bê tông
- Cement = Cầu bê tông
- Footbridge = Cầu nhỏ
- Ferry = Phà
- Ford = Chỗ lội qua
- Bank or road
- Lưu vực = Bùn, đường
- Canal or ditch, Less than 18 meters wide, Over 18 meters wide

Right Column:

- Temple, Pagoda, Minor pagoda
- Đền, miếu, Chùa Am
- Post office, Telegraph, Telephone
- Phòng bưu điện, Điện thoại
- Cemetery = Nghĩa địa
- Fort, Ruins = Đồn, Tàn tích
- Horizontal control point
- Điểm khống chế
- Spot elevation in meters, Checked, Unchecked
- Cao độ điểm cao, kiểm tra, chưa kiểm tra
- International boundary - Ranh giới Quốc-giới
- Phân biên quốc - Ranh giới Quốc
- Town boundary - Ranh giới Thị trấn
- Delegation boundary - Ranh giới Ủy quyền
- Area name
- Tên vùng họ địa điểm
- Prison office, Detention office
- Trạm giam giữ, Phòng giam giữ
- Watch, Well, Spring
- Bồn nước, Cầu nước, Ngòi
- Miner, Mangrove
- Đào mỏ, Càng lợn
- Coffee, Rubber
- Cà phê, Cao su
- Palm, Brushwood
- Chợ
- Market
- Stream
- Village

HAO LONG

GLOSSARY - CỜ TỰ

CHI	Chợ	mountain
HUYNH	huyền	mountain
SI	si	stream
PIAI	piai	village

Left Column:

- Large rapids
- Chảy xiết, thác nước
- Large falls
- Thác lớn
- Small falls
- Thác nhỏ
- Dense forest or jungle
- Rừng rậm
- Clear forest
- Rừng thưa

Right Column:

- Large rapids
- Chảy xiết, thác nước
- Large falls
- Thác lớn
- Small falls
- Thác nhỏ
- Dense forest or jungle
- Rừng rậm
- Clear forest
- Rừng thưa

DELINEATION OF INTERNATIONAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE

KHOẢNG GIỚI HẠN HÀNH CHÍNH THỰC DẪN ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN BẢN ĐỒ

Left Column:

- GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
- Hệ tọa độ vuông góc ở trung tâm của tờ bản đồ
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")

Right Column:

- GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
- Hệ tọa độ vuông góc ở trung tâm của tờ bản đồ
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")

HAO LONG

GLOSSARY - CỜ TỰ

CHI	Chợ	mountain
HUYNH	huyền	mountain
SI	si	stream
PIAI	piai	village

Left Column:

- Large rapids
- Chảy xiết, thác nước
- Large falls
- Thác lớn
- Small falls
- Thác nhỏ
- Dense forest or jungle
- Rừng rậm
- Clear forest
- Rừng thưa

Right Column:

- Large rapids
- Chảy xiết, thác nước
- Large falls
- Thác lớn
- Small falls
- Thác nhỏ
- Dense forest or jungle
- Rừng rậm
- Clear forest
- Rừng thưa

DELINEATION OF INTERNATIONAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE

KHOẢNG GIỚI HẠN HÀNH CHÍNH THỰC DẪN ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN BẢN ĐỒ

Left Column:

- GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
- Hệ tọa độ vuông góc ở trung tâm của tờ bản đồ
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")

Right Column:

- GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
- Hệ tọa độ vuông góc ở trung tâm của tờ bản đồ
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")

HAO LONG

GLOSSARY - CỜ TỰ

CHI	Chợ	mountain
HUYNH	huyền	mountain
SI	si	stream
PIAI	piai	village

Left Column:

- Large rapids
- Chảy xiết, thác nước
- Large falls
- Thác lớn
- Small falls
- Thác nhỏ
- Dense forest or jungle
- Rừng rậm
- Clear forest
- Rừng thưa

Right Column:

- Large rapids
- Chảy xiết, thác nước
- Large falls
- Thác lớn
- Small falls
- Thác nhỏ
- Dense forest or jungle
- Rừng rậm
- Clear forest
- Rừng thưa

DELINEATION OF INTERNATIONAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE

KHOẢNG GIỚI HẠN HÀNH CHÍNH THỰC DẪN ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN BẢN ĐỒ

Left Column:

- GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
- Hệ tọa độ vuông góc ở trung tâm của tờ bản đồ
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")

Right Column:

- GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
- Hệ tọa độ vuông góc ở trung tâm của tờ bản đồ
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")
- 170° 00' 00" (170° 00' 00")

HAO LONG

GLOSSARY - CỜ TỰ

CHI	Chợ	mountain
HUYNH	huyền	mountain
SI	si	stream
PIAI	piai	village

Left Column:

- Large rapids
- Chảy xiết, thác nước
- Large falls
- Thác lớn
- Small falls
- Thác nhỏ
- Dense forest or jungle
- Rừng rậm
- Clear forest
- Rừng thưa

Right Column:

- Large rapids
- Chảy xiết, thác nước
- Large falls
- Thác lớn
- Small falls
- Thác nhỏ
- Dense forest or jungle
- Rừng rậm
- Clear forest
- Rừng thưa

DELINEATION OF INTERNATIONAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE

KHOẢNG GIỚI HẠN HÀNH CHÍNH THỰC DẪN ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN BẢN ĐỒ

Left Column:

- GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
- Hệ tọa độ vuông góc ở trung tâm của tờ bản đồ
- 170° 00' 00"